

Hà nội, ngày 29 tháng 07 năm 2013



Phong Minh Dưng

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG VIÊN NANG MEDIFEVISOF

1. THÀNH PHẦN

Mỗi viên nang cứng có chứa:

Natri chondroitin sulfat	: 100 mg
Retinol palmitat	: 2500 IU
Cholin bitartrat	: 25 mg
Riboflavin	: 5 mg
Thiamin hydroclorid	: 20 mg

Tá dược: Magnesi carbonat, Comprecel M101, PVP K30, ethyl cellulose, magnesi stearat, aerosil 200 vừa đủ một viên.

2. DẠNG BẢO CHẾ: Viên nang cứng

3. ĐƯỢC LỰC HỌC

Natri chondroitin sulfat: làm tăng tính ổn định collagen nội bào (do duy trì tính đàn hồi của mô liên kết). Đây là mucopolysaccharide chiết xuất từ sụn cá mập và là một trong những thành phần của mô mắt và mô liên kết.

Retinol palmitat: rất cần thiết cho thị giác, cho sự tăng trưởng, phát triển và duy trì của biểu mô.

Cholin bitartrat: là tiền chất của acetylcholine nên có tác dụng làm tăng dẫn truyền thần kinh.

Riboflavin: Riboflavin được biến đổi thành 2 coenzym là flavin mononucleotid (FMN) và flavin adenin dinucleotid (FAD), là các dạng coenzym hoạt động cần cho sự hô hấp của mô. Khi thiếu vitamin B₂ dễ gây tổn thương ở cơ quan thị giác như: viêm giác mạc, giác mạc bong, ngứa, sung huyết, chảy nước mắt. Riboflavin cũng cần cho sự hoạt hóa pyridoxine, sự chuyển tryptophan thành niacin, và liên quan đến sự toàn vẹn của hồng cầu.

Thiamin hydroclorid: là coenzym chuyển hóa carbohydrate làm nhiệm vụ khử carboxyl của các alpha - ketoacid như pyruvat và alpha - cetoglutarat và trong việc sử dụng pentose trong chu trình hexose monophosphat

4. ĐƯỢC ĐỘNG HỌC

Natri chondroitin sulfat: sinh khả dụng khoảng 15% - 24% dùng đường uống. Hấp thu chậm ở dạ dày, ruột. Nồng độ tập trung nhiều ở các mô sụn, chất hoạt dịch.

Retinol palmitat: Sau khi được các enzym của tụy thủy phân thành retinol, các este của vitamin A được hấp thu ở ống tiêu hóa. Một số retinol được dự trữ ở gan và từ đây được giải phóng vào máu dưới dạng gắn với một globulin đặc hiệu. Phần retinol tự do bị liên hợp glucuronic và bị oxy hóa thành retinal và acid retinoic rồi được đào thải qua nước tiểu và phân cùng với những chất chuyển hóa khác.

Riboflavin: Sau khi uống, khoảng 60% FAD và FMN gắn vào protein huyết tương. Riboflavin được đào thải qua thận. Riboflavin còn đào thải qua phân, có đi qua nhau thai và được đào thải theo sữa.

Thiamin hydroclorid: thiamin hấp thu tốt qua đường tiêu hóa. Lượng thừa sẽ thải trừ qua nước tiểu dưới dạng phân tử thiamin nguyên vẹn.

5. CHỈ ĐỊNH Thuốc được dùng trong các trường hợp:

Hỗ trợ điều trị nhức mỏi mắt, viêm giác mạc, đau nhức mắt, mỏi mắt trong thời kỳ cho con bú.

Hỗ trợ điều trị quáng gà, bổ sung dưỡng chất khi suy yếu thị lực.

6. LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG

Liều thông thường cho người lớn là: 2 viên × 2 lần/ngày

Trẻ em từ 12 tuổi trở nên: 1 viên/ngày

7. CHỐNG CHỈ ĐỊNH: Mẫn cảm với các thành phần nào của thuốc.

8. THẬN TRỌNG

Tuân theo đúng liều lượng và cách dùng.

Ở trẻ em thuốc dùng dưới sự giám sát của người lớn.

Không nên dùng Vitamin A quá 8000 IU mỗi ngày vì vitamin A cũng được cung cấp từ thức ăn hàng ngày.

9. TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN

Khi các triệu chứng như buồn nôn, nôn mửa, tiêu chảy, ngứa... xảy ra, nên ngưng dùng thuốc.

Các tác dụng không mong muốn cũng sẽ xuất hiện khi dùng retinol palmitat liều cao, dài ngày. Các triệu chứng đặc trưng là: mệt mỏi, dễ bị kích thích, chán ăn, sút cân, nôn, rối loạn tiêu hóa.

Thông báo cho thầy thuốc tác dụng không mong muốn gặp phải trong khi sử dụng thuốc

10. THỜI KỲ CÓ THAI VÀ ĐANG CHO CON BÚ

Tránh dùng vượt quá 8000 IU vitamin A mỗi ngày cho phụ nữ có thai vì có khả năng sinh quái thai.

11. NGƯỜI ĐANG LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC: Được sử dụng

12. TƯƠNG TÁC THUỐC

Rượu có thể gây cản trở hấp thu riboflavin ở ruột.

Probenecid sử dụng cùng riboflavin gây giảm hấp thu riboflavin ở dạ dày, ruột.

Neomycin, cholestyramin, parafin lỏng làm giảm hấp thu vitamin A.

Vitamin A và isotretinoin dùng đồng thời có thể dẫn đến tình trạng như dùng vitamin A quá liều. Cần tránh dùng đồng thời 2 thuốc trên như tránh dùng vitamin A liều cao.

Các thuốc tránh thai có thể làm tăng nồng độ vitamin A trong huyết tương và có tác dụng không thuận lợi cho sự thụ thai.

13. QUÁ LIỀU VÀ XỬ TRÍ

Trong trường hợp quá liều có thể đau một bên chân, quá mẫn cảm, rụng tóc, chán ăn, giảm cân, đau đầu, tiêu chảy, nôn mửa có thể xảy ra. Khi những triệu chứng này xảy ra, ngừng thuốc và hỏi ý kiến bác sĩ hoặc dược sĩ.

14. QUY CÁCH ĐÓNG GÓI: Hộp 03 túi nhôm × 06 vỉ/túi × 10 viên/vỉ

15. HẠN DÙNG: 24 tháng

16. BẢO QUẢN: Nơi khô, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C.

17. TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG: TCCS

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

Để xa tầm tay của trẻ em

Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến thầy thuốc



CÔNG TY CP DƯỢC TW MEDIPLANTEX

Sản xuất tại: Nhà máy Dược phẩm số 2

Trung Hậu - Tiền Phong - Mê Linh - Hà Nội

ĐT: 04-38178345 Fax: 04-38178819



TỔNG GIÁM ĐỐC

THS. Phùng Minh Dũng

PHÓ CỤC TRƯỞNG
Nguyễn Văn Thanh